TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Bà Nguyễn Thi Diền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Không.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 11-11-2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1978 (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Nguyễn Văn U và bị đơn chị Huỳnh Thị H cùng thống nhất xác định những nội dung được thể hiện tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai, cụ thể:*

Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn M, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2000.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay anh Nguyễn Văn U và bị đơn chị Huỳnh Thị H thống nhất thỏa thuận:

1. Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn nhau, nhưng do anh chị từ trước đến nay chưa đăng ký kết hôn và cũng chưa được cơ quan chuyên môn nào cấp giấy chứng nhận kết hôn nên không thể ghi nhận;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Hiện con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:** Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn U và bị đơn chị Huỳnh Thị H thống nhất vợ chồng từ khi chung sống với nhau đến nay không đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản, về nợ. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn U và bị đơn chị Huỳnh Thị H chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01-01-2001), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có

nhiều văn bản quy định, hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp như anh, chị trong thời gian hai năm (từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003) nhưng anh, chị vẫn không thực hiện. Cho đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của anh U và cho đến nay anh, chị vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay anh U có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Hai bên đương sự cùng nhau thống nhất xác định, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn M, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2000 và hiện nay con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn anh U và bị đơn chị H cùng thống nhất xác định, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn U có đơn yêu cầu xin ly hôn nên anh U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn U và chị Huỳnh Thị H.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Anh Nguyễn Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003880 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; anh U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/01/2021).

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh